

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

“An toàn lao động trong công nghiệp xây dựng” thuộc lĩnh vực khoa học xã hội-kỹ thuật. Nó nghiên cứu và phát hiện và phát hiện những nguy hiểm trong sản xuất, độc hại nghề nghiệp và đề ra các phương pháp loại bỏ chúng hay làm yếu đi các trường hợp tai nạn trong sản xuất, sự cố và hỏa hoạn. Trong thực tế không có loại sản xuất nào hoàn toàn không nguy hiểm và không độc hại. Nhiệm vụ của bảo hộ lao động là phải làm giảm xác suất gây ra tai nạn hay bệnh nghề nghiệp cho người lao động đến nhỏ nhất. Đồng thời bảo đảm điều kiện tiện nghi của lao động trong khi đạt được năng suất lao động cao nhất.

“Tổ chức sản xuất” là môn khoa học về quản lý kinh tế, giúp cho người lao động biết cách tổ chức hợp lý một quá trình sản xuất trong thi công xây lắp, nâng cao kiến thức nghề. Đồng thời, nó trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về : Cơ cấu tổ chức của một bộ máy sản xuất, tổ chức và bố trí hợp lý nơi làm việc, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tiết kiệm và an toàn trong sản xuất.

Các yêu cầu hiện đại của tiến bộ khoa học – kỹ thuật chỉ có thể được thỏa mãn, khi có một hệ thống của tập hợp các nhiệm vụ về bảo hộ lao động có cơ sở khoa học toàn diện và được nghiên cứu một cách cặn kẽ. Nền tảng của hệ thống này là áp dụng kỹ thuật mới an toàn và có năng suất cao, các phương pháp tổ chức lao động tiên tiến và cơ giới hóa toàn bộ.

An toàn lao động được coi là một khoa học trên cơ sở gắn kết của khoa học pháp luật, kỹ thuật và y học. Đối tượng nghiên cứu của nó là con người và quá trình lao động, quan hệ tương hỗ của con người với thiết bị công nghệ, tổ chức lao động và sản xuất, các quá trình công nghệ.

Trên cơ sở của các thành tựu đã đạt được của khoa học – kỹ thuật và ứng dụng cũng như của các công trình nghiên cứu đã và đang được tiến hành mà đề ra các biện pháp và qui chuẩn nhằm không ngừng nâng cao hơn nữa trình độ an toàn lao động trong sản xuất.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song giáo trình chắc chắn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình của các đồng nghiệp cũng như toàn thể các sinh viên, để cuốn giáo trình lần sau được tốt hơn.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021

Tác giả

1. Nguyễn Trung Quang

2. Ngô Thanh

MỤC LỤC

TT	Tên chương, bài	Trang
1	Lời giới thiệu	1
2	Mục lục	2
3	Giáo trình môn học	3
4	Chương 1. Những vấn đề chung về An toàn lao động	4
5	Chương 2. Hệ thống tổ chức và quản lý công tác An toàn lao động	9
6	Chương 3. Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp	19
7	Chương 4. An toàn và vệ sinh lao động	25
8	Chương 5. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động	28
9	Chương 6. Kỹ thuật an toàn điện	36
10	Chương 7. Kỹ thuật phòng cháy chữa cháy	43
11	Chương 8. Kỹ thuật an toàn nghề kỹ thuật xây dựng	48
	Bài 1. Tổ chức mặt bằng, an toàn trong bốc xếp vật tư	48
	Bài 2. An toàn trong công tác sử dụng xe máy, dụng cụ thi công	50
	Bài 3. An toàn trong công tác đất	51
	Bài 4. An toàn trong công tác xây	53
	Bài 5. An toàn trong công tác trát, lớp mái	55
	Bài 6. An toàn trong công tác giàn giáo và sơn – vôi	57
	Bài 7. An toàn trong công tác lắp ghép	59
	Bài 8. An toàn trong công tác ván khuôn, cốt thép, bê tông	61
	Câu hỏi nâng cao chương 8	63
12	Chương 9. Một số biện pháp tổ chức quản lý sản xuất ở đơn vị kinh tế cơ sở	64
13	Tài liệu tham khảo	80

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: An toàn lao động;

Mã số môn học: MH 08;

Thời gian thực hiện: 45 giờ (Lý thuyết 39 giờ, bài tập 04 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí môn học: Môn an toàn lao động là một trong các môn kỹ thuật cơ sở, được bố trí học trước các môn học/mô đun chuyên môn nghề;

- Tính chất môn học:

+ An toàn lao động là một trong những môn học có vị trí quan trọng trong các môn cơ sở, là môn học bắt buộc đối với học sinh học nghề dài hạn chuyên ngành xây dựng dân dụng công nghiệp. Môn học an toàn lao động vừa có tính lý luận và vừa có tính thực tiễn. Từ thực tiễn hoạt động nghề nghiệp rút ra học kinh nghiệm, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người lao động và sức khỏe cộng đồng.

- Tổ chức sản xuất là môn khoa học về quản lý kinh tế, giúp cho người lao động biết cách tổ chức hợp lý một quá trình sản xuất trong thi công xây lắp, nâng cao kiến thức nghề.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về luật An toàn lao động;

- Nêu được các quy định hiện hành về công tác An toàn lao động, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Cơ cấu tổ chức của một bộ máy sản xuất, tổ chức và bố trí hợp lý nơi làm việc, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tiết kiệm và an toàn trong sản xuất.

- Về kỹ năng:

Áp dụng được các văn bản, quy phạm và các luật An toàn lao động vào trong công việc, đảm bảo quyền và trách nhiệm của người lao động với công việc.

Trình bày được một số nội dung cơ bản của công tác tổ chức quản lý sản xuất ở đơn vị kinh tế cơ sở theo cơ chế thị trường

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Giúp cho người học ý thức được quyền và nghĩa vụ, phòng tránh được các bệnh nghề nghiệp, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Phải coi tổ chức sản xuất phù hợp là yếu tố quyết định đến sự thành công của của quá trình sản xuất mà có ý thức tham gia xây dựng và tạo môi trường sản xuất hợp lý.

III. Nội dung môn học:

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm, ý nghĩa, nội dung của công tác An toàn lao động;
- Biết vận dụng các quy định, hệ thống pháp luật về An toàn lao động vào thực tế khi tham gia lao động sản xuất.

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

TT	Thuật ngữ	Nội dung
1	An toàn lao động.	Tình trạng điều kiện lao động không gây ra nguy hiểm trong lao động sản xuất .
2	Điều kiện lao động.	Tổng thể các yếu tố kinh tế, xã hội, tổ chức, kỹ thuật, tự nhiên ... thể hiện qua quá trình công nghệ, công cụ lao động, con người lao động, môi trường lao động và sự tác động qua lại giữa chúng tạo nên những điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình lao động sản xuất.
3	Yêu cầu an toàn lao động.	Các yêu cầu phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn lao động trong quá trình lao động sản xuất.
4	Sự nguy hiểm trong lao động sản xuất .	Khả năng tác động của các yếu tố nguy hiểm và có hại trong lao động sản xuất đối với người lao động .
5	Yếu tố nguy hiểm trong lao động sản xuất .	Yếu tố có tác động gây chấn thương cho người lao động trong quá trình lao động sản xuất.
6	Yếu tố có hại trong lao động sản xuất .	Yếu tố có tác động gây bệnh cho người lao động trong quá trình lao động sản xuất.
7	An toàn của thiết bị sản xuất .	Tính chất của thiết bị đảm bảo được tình trạng an toàn khi thực hiện các chức năng đã qui định trong những điều kiện xác định và trong suốt thời gian sử dụng, vận hành sản xuất.
8	An toàn của quá trình sản xuất .	Tính chất của quá trình sản xuất đảm bảo được tình trạng an toàn khi thực hiện các công đoạn đã cho và trong suốt thời gian qui định.
9	Phương tiện bảo vệ người lao động .	Phương tiện dùng để phòng ngừa hoặc làm giảm tác động các yếu tố nguy hiểm và có tác hại trong sản xuất đối với người lao động.
10	Kỹ thuật an toàn	Hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động.
11	Vệ sinh sản xuất.	Hệ thống các biện pháp và phương tiện tổ chức vệ sinh học và kỹ thuật vệ sinh nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm đối với người lao động.
12	Bảo hộ lao động.	Hệ thống các văn bản pháp luật và các biện pháp tương ứng về tổ chức kinh tế, xã hội, kỹ thuật và vệ sinh học nhằm đảm bảo

		an toàn, bảo đảm sức khỏe và khả năng lao động của con người trong quá trình lao động sản xuất.
13	Tai nạn lao động.	Tai nạn xảy ra gây tác hại đến cơ thể người lao động do tác động của các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất.
14	Chấn thương.	Chấn thương xảy ra đối với người lao động trong sản xuất do không tuân theo các yêu cầu về an toàn lao động (nhiễm độc cấp tính cũng coi như chấn thương).
15	Bệnh nghề nghiệp.	Bệnh pháp sinh do tác động của điều kiện lao động có hại đối với người lao động .

2. QUI ĐỊNH CHUNG VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

2.1. Công nhân làm việc trên công trường phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau :

- Đủ tuổi lao động theo qui định của nhà nước đối với từng loại nghề.
- Có giấy chứng nhận bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu của nghề đó do cơ quan y tế cấp. Định kỳ hằng năm phải được kiểm tra sức khỏe ít nhất một lần. Trường hợp phải làm việc trên cao, dưới nước, trong hầm kín, hoặc hơi nóng, bụi, độc hại phải có chế độ kiểm tra sức khỏe riêng do cơ quan y tế qui định . Không được bố trí phụ nữ có thai, người có các bệnh (đau tim, tai điếc, mắt kém ...) hoặc trẻ em dưới 18 tuổi làm việc nói trên.

2.2. Công nhân tạm tuyển và học sinh học nghề phải có đủ tiêu chuẩn như mục 1 , ngoài ra còn tuân thủ các yêu cầu sau:

- Có giấy giới thiệu của đơn vị đào tạo, qui định thời gian tham gia lao động và thực tập.
- Cử người có trách nhiệm theo dõi trong suốt thời gian tham gia thực tập.

2.3. Những quy định chung:

Cấm uống rượu, bia trước và trong thời gian làm việc. Khi làm việc trên cao , dưới hầm sâu hoặc nơi dễ bị nguy hiểm cấm uống rượu, bia và hút thuốc.

Công nhân làm việc trên cao hoặc dưới hầm sâu phải có túi đựng đồ nghề.

Cấm vứt, ném các loại dụng cụ, đồ nghề hoặc bất kỳ vật gì từ trên cao xuống.

Chỉ có công nhân biết bơi mới được bố trí làm việc trên sông dưới nước và phải được trang bị đầy đủ thuyền, phao và các dụng cụ cấp cứu cần thiết khác theo đúng chế độ qui định. Đối với thợ lặn phải thực hiện đầy đủ các qui định về chế độ làm việc, bồi dưỡng và bảo vệ sức khỏe.

Tất cả các thuyền phao và các dụng cụ cấp cứu khác phải được kiểm tra để đảm bảo chất lượng trước khi đem ra sử dụng.

Công nhân làm việc trên công trường phải sử dụng đúng các phương tiện bảo hộ cá nhân đã được cấp phát. Không được đi dép lê hay đi guốc và phải mặc quần áo gọn gàng.

Khi làm việc ở độ cao từ 2 m trở lên thì phải trang bị dây an toàn cho công nhân hoặc lưới bảo vệ. cán bộ kỹ thuật thi công phải hướng dẫn cách móc dây an toàn cho công nhân. Không cho phép công nhân làm việc khi chưa đeo dây an toàn.

Không được thi công cùng một lúc ở 2 hoặc nhiều tầng trên một phương thẳng đứng nếu không có thiết bị bảo vệ an toàn cho người làm việc phía dưới.

2.8. Không được làm việc trên giàn giáo, ống khói, đài nước, cột điện, dưới hầm cầu, mái nhà 2 tầng trở lên ... khi trời tối lúc mưa to, giông bão hoặc có gió từ cấp 5 trở lên.

Sau mỗi đợt mưa bão, có gió lơn hoặc sau khi dừng thi công nhiều ngày liền phải kiểm tra lại các điều kiện an toàn trước khi thi công tiếp, nhất là những nơi nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn.

Làm việc ở dưới giếng sâu, hầm ngầm trong các thùng kín phải có đủ biện pháp và phương tiện đề phòng khí độc hại sặc lở. Trước và trong quá trình làm việc phải có chế độ kiểm tra chặt chẽ và có người trực bên trong, người trực bên ngoài nhằm đảm bảo liên lạc thường xuyên giữa bên trong và bên ngoài để kịp thời cấp cứu khi có xảy ra tai nạn.

Trên công trình phải bố trí hệ thống điện chiếu sáng đầy đủ trên các tuyến đường giao thông đi lại và khu vực đang thi công về ban đêm. Không cho phép làm việc ở những chỗ không được chiếu ánh sáng.

Khi thi công công trình trên những công trình cao phải có hệ thống chống sét theo các qui định hiện hành.

Trên công trình phải có đủ các công trình phụ các nhu cầu về sinh hoạt cho cán bộ, công nhân như: Trạm xá, nhà ăn, nhà nghỉ giữa ca, lán trú mưa, nắng, nơi tắm rửa, vệ sinh đại, tiểu tiện...

Phải cung cấp đủ nước uống cho những người làm việc trên công trường, nước uống phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh, thùng đựng nước phải có nắp đậy kín, có vòi vặn, hoặc gáo múc riêng.

Trong quá trình thi công xây dựng Ban chỉ huy công trình phải chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện lao động cho công nhân, giảm nhẹ các khâu lao động thủ công nặng nhọc, ngăn ngừa hạn chế các yếu tố độc hại gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe hoặc gây ra bệnh nghề nghiệp.

Cán bộ và công nhân làm việc trong điều kiện chịu ảnh hưởng của yếu tố độc hại vượt quá tiêu chuẩn cho phép phải được bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật theo đúng chế độ hiện hành.

Công trường phải có sổ nhật ký an toàn lao động và ghi đầy đủ tình hình sự cố, tai nạn, biện pháp khắc phục và xử lý trong quá trình thi công, các kiến nghị về BHLĐ của các cán bộ an toàn lao động, đoàn thanh tra an toàn lao động và biện pháp giải quyết của người chỉ huy công trường thực hiện đúng đắn chế độ thống kê báo cáo phân tích tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

3. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC ATLĐ

3.1. Mục đích của công tác ATLĐ

Mục đích của công tác ATLĐ là thông qua các biện pháp về KHKT, tổ chức, kinh tế, xã hội để loại trừ các yếu tố nguy hiểm và có hại phát sinh trong sản xuất, tạo nên một điều kiện lao động thuận lợi và ngày càng được cải thiện tốt hơn, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, hạn chế ốm đau và giảm sức khỏe cũng như các thiệt hại khác đối với người lao động, nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe và tính mạng người lao động, trực tiếp góp phần bảo vệ và phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng xuất lao động.

3.2. Ý nghĩa của công tác ATLĐ.

ATLĐ là phạm trù sản xuất, nhằm bảo vệ yếu tố năng động nhất của lực lượng sản xuất là người lao động. Mặt khác việc chăm lo sức khỏe cho người lao động, mang lại hạnh phúc và bản thân cho gia đình họ còn có ý nghĩa nhân đạo.

3.3. Tính chất của công tác ATLĐ

3.3.1. Tính chất khoa học kỹ thuật:

Vì mọi hoạt động của nó đều xuất phát từ những cơ sở khoa học và các biện pháp khoa học kỹ thuật.

3.3.2. Tính chất pháp lý:

Được thể hiện trong luật lao động, qui định rõ trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.

3.3.3. Tính chất quần chúng:

Người lao động là số đông trong xã hội, ngoài những biện pháp KHKT, biện pháp hành chính, việc giác ngộ nhận thức cho người lao động hiểu rõ và thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động là cần thiết.

3.4. Trách nhiệm của các cấp các ngành đối với công tác ATLĐ

3.4.1. Nghĩa vụ và quyền của Nhà nước :

Trong công tác BHLĐ, Nhà nước có những nghĩa vụ và quyền hạn sau đây:

- + Xây dựng và ban hành luật pháp, chế độ chính sách BHLĐ, hệ thống tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- + Quản lý Nhà nước về công tác BHLĐ hướng dẫn, chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện luật pháp, chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm về an toàn vệ sinh lao động, kiểm tra, đôn đốc, thanh tra việc thực hiện. Khen thưởng những đơn vị cá nhân có thành tích và xử lý các vi phạm về an toàn vệ sinh lao động.

- + Lập chương trình Quốc gia về BHLĐ và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và ngân sách Nhà nước, đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật về BHLĐ, đào tạo cán bộ về công tác BHLĐ.

3.4.2. Nghĩa vụ và quyền của người lao động.

- Nghĩa vụ :

- + Hằng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp ATLĐ, VSLĐ và cải thiện điều kiện lao động.

- + Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về ATLĐ, VSLĐ đối với người lao động theo qui định của Nhà nước.

- + Cử người giám sát việc thực hiện các qui định, nội dung, biện pháp ATLĐ, VSLĐ trong doanh nghiệp : phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh.

- + Xây dựng nội qui, qui trình ATLĐ, VSLĐ phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật tư và nơi làm việc theo tiêu chuẩn qui định của Nhà nước.

- + Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, qui định, biện pháp ATLĐ, VSLĐ đối với người lao động.

- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn, chế độ qui định.

- + Chấp hành nghiêm chỉnh qui định khai báo, điều tra TNLĐ, BNN và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện ATLĐ, VSLĐ, cải thiện điều kiện lao động với sở LĐTB&XH nơi doanh nghiệp hoạt động.

- Quyền hạn :

- + Buộc người LĐ phải tuân thủ các qui định, nội qui, biện pháp ATLĐ, VSLĐ.

- + Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện ATLĐ, VSLĐ.

- + Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của thanh tra về ATLĐ, VSLĐ nhưng vẫn phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đó.

3.4.3. Đối với người lao động :

- Nghĩa vụ : Người lao động có 3 nghĩa vụ sau :

+ Chấp hành các qui định , nội qui về ATLĐ , VSLĐ có liên quan đến công việc nhiệm vụ được giao.

+ Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được cấp , trang bị nếu làm mất hoặc hư hỏng phải bồi thường.

+ Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây TNLĐ, BNN, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động.

- Quyền hạn : Người lao động có 3 quyền sau :

+ Yêu cầu sử dụng lao động bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động; trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện, thực hiện biện pháp ATLĐ, VSLĐ .

+ Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra TNLĐ, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của mình và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp; từ chối trở lại làm việc nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục.

+ Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng lao động vi phạm qui định của Nhà nước hoặc không thực hiện đúng các giao kết về ATLĐ, VSLĐ trong hợp đồng lao động.

CÂU HỎI

Câu 1 : Nêu mục đích, ý nghĩa của công tác BHLĐ ?

Câu 2 : Cho biết tính chất của công tác BHLĐ ?

Câu 3 : Trình bày trách nhiệm của các cấp các ngành đối với công tác BHLĐ?

Câu 4: Cho biết định nghĩa về : Điều kiện lao động , an toàn trong quá trình sản xuất ?

Câu 5: Thế nào là : Vệ sinh sản xuất, bảo hộ lao động, chấn thương và bệnh nghề nghiệp ?

Câu 6 Trình bày về : Các tiêu chuẩn và công nhân tạm tuyển đối với người lao động ?

Câu 7 Hãy cho biết những qui định nơi làm việc, trên công trình xây dựng ?

Câu 8: Hãy liên hệ với thực tế để ghi nhật ký an toàn trong công trình ?

Chương 2

HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Mục tiêu:

- *Nêu được hệ thống tổ chức và trách nhiệm của các cấp đối với công tác An toàn lao động;*
- *Biết vận dụng để tham gia xây dựng các quy định về công tác An toàn lao động trong các doanh nghiệp.*

1. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về ATLĐ, VSLĐ

1.1. Luật, bộ luật

- Luật số 10/2012/QH13: *BỘ LUẬT LAO ĐỘNG*
- Luật số 84/2015/QH13: *LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG*

1.2. Nghị định

- Nghị định số 45/2013/NĐ-CP: *Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động*
- Nghị định số 95/2013/NĐ-CP : *Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đính chính nghị định 95/2013/NĐ-CP*
- Nghị định số 88/2015/NĐ-CP: *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Văn bản hợp nhất 4756/VBHN-BLĐTBXH: Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)*
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP: *Về quản lý dự án đầu tư xây dựng*
- Nghị định số 37/2016/NĐ-CP của Chính phủ : *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc*
- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP của Chính phủ : *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động*

1.3. Thông tư

- Thông tư 09/2000/TT-BYT: *Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ*
- Thông tư 12/2006/TT-BYT: *Hướng dẫn khám bệnh nghề nghiệp*
- Thông tư liên tịch 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT: *Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động trong cơ sở lao động*
- Thông tư 19/2011/TT – BYT: *Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp*
- Thông tư liên tịch 12/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT: *Về việc hướng dẫn khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động*
- Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH: *Ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên*
- Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH: *Ban hành danh mục công việc nhẹ được*

sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc

○ Thông tư 25/2013/TT-BLĐTBXH: *Hướng dẫn chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại*

○ Thông tư 26/2013/TT-BLĐTBXH: *ban hành Danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ*

○ Thông tư 27/2013/TT-BLĐTBXH: *Quy định về công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động*

○ Thông tư 20/2013/TT-BCT: *Quy định về Kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp*

○ Thông tư 14/2013/TT-BYT: *Về việc hướng dẫn khám sức khỏe*

○ Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH: *Về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân*

○ Thông tư 05/2014/TT-BLĐTBXH: *Ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động*

○ Thông tư 06/2014/TT-BLĐTBXH: *Quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt và an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*

○ Thông tư 07/2014/TT-BLĐTBXH: *Ban hành 27 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*

○ Thông tư 73/2014/TT-BTC: *Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; phí đánh giá điều kiện hoạt động kiểm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động*

○ Thông tư 31/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương: *Về việc quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện*

○ Thông tư 36/2014/TT-BCT: *Về việc quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất*

○ Thông tư 04/2015/TT-BLĐTBXH: *Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*

○ Thông tư 46/2015/TT-BLĐTBXH: *Ban hành các quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với xe tời điện chạy trên ray; pa lăng xích kéo tay có tải trọng từ 1.000kg trở lên; trục tải giằng đứng; trục tải giằng nghiêng; sàn biểu diễn di động và nồi gia nhiệt dầu*

2. Trách nhiệm các cấp, các ngành, tổ chức công đoàn trong công tác An toàn lao động

2.1. Bộ LĐTB&XH:

- + Xây dựng chương trình Quốc gia về ATLĐ, BHLĐ, VSLĐ trình Chính phủ;
- + Ban hành các văn bản pháp luật, chính sách, chế độ ATLĐ;
- + Xây dựng, ban hành và quản lý bộ qui chuẩn ATLĐ;
- + Hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra ATLĐ;
- + Thanh tra nhà nước về ATLĐ;
- + Huấn luyện ATLĐ;

+ Hợp tác quốc tế về ATLĐ.

2.2. Bộ Y tế:

- + Xây dựng và ban hành danh mục các chất có yêu cầu nghiêm ngặt;
- + Hướng dẫn thực hiện VSLĐ và chăm sóc sức khỏe cho NLĐ;
- + Hướng dẫn khám sức khỏe và điều trị BNN;
- + Hướng dẫn điều trị nếu xảy ra TNLĐ hay BNN;
- + Hợp tác quốc tế về công tác VSLĐ.

2.3. Quyền, trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác an toàn, vệ sinh lao động

Tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động.



Hình: Đại hội XII Công đoàn Việt Nam năm 2018

Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tham gia xây dựng, hướng dẫn thực hiện, giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy chế, nội quy và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cải thiện điều kiện lao động cho người lao động tại nơi làm việc; tham gia điều tra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, thực hiện các biện pháp khắc phục, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động khi phát hiện nơi làm việc có yếu tố có hại hoặc yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của con người trong quá trình lao động.

Vận động người lao động chấp hành quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Đại diện tập thể người lao động khởi kiện khi quyền của tập thể người lao động về an toàn, vệ sinh lao động bị xâm phạm; đại diện cho người lao động khởi kiện khi quyền của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động bị xâm phạm và được người lao động ủy quyền.

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; kiến nghị các giải pháp chăm lo cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

Phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức phong trào thi đua về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức phong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

Khen thưởng công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2.4. Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động

Tham gia với người sử dụng lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động.

Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn, vệ sinh lao động trong thỏa ước lao động tập thể; có trách nhiệm giúp đỡ người lao động khiếu nại, khởi kiện khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.



*Bộ Trưởng Bộ LĐTBXH Đào Ngọc Dung
phát biểu tại Lễ phát động tháng hành động về ATVSLĐ 2020*

Đối thoại với người sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về an toàn, vệ sinh lao động.

Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động; giám sát và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động điều tra tai nạn lao động và giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Kiểm nghị với người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, khắc phục hậu quả sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Tuyên truyền, vận động người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức tập huấn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công đoàn và người lao động.

Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động nếu cần thiết khi phát hiện nơi làm việc có nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người lao động.

Tham gia Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật này; tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động để ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động; trường hợp người sử dụng lao động không thực hiện nghĩa vụ khai báo theo quy định tại Điều 34 của Luật này thì công đoàn cơ sở có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Luật này để tiến hành điều tra.

Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các phong trào thi đua, phong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc; quản lý, hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

Những cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa thành lập công đoàn cơ sở thì công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thực hiện quyền, trách nhiệm quy định tại Điều này khi được người lao động ở đó yêu cầu.

3. Công tác BHLĐ trong các doanh nghiệp

3.1. Bộ phận BHLĐ tại doanh nghiệp

Thông tư Liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN quy định:

a) Tổ chức

- Tùy theo đặc điểm sản xuất và tổ chức SXKD (mức độ nguy hiểm) của nghề, số lượng lao động, địa bàn phân tán hoặc tập trung của từng DN, NSDLĐ tổ chức phòng, ban hoặc cử cán bộ làm công tác BHLĐ nhưng phải đảm bảo mức tối thiểu sau:

Số NLĐ	Cán bộ làm công tác BHLĐ
< 300	Ít nhất một cán bộ bán chuyên trách
300 ÷ 1.000	Ít nhất 1 cán bộ chuyên trách
> 1.000	Ít nhất 2 cán bộ chuyên trách BHLĐ hoặc tổ chức phòng hoặc ban BHLĐ riêng

- Các Tổng Công ty Nhà nước quản lý nhiều DN có nhiều yếu tố độc hại nguy hiểm phải tổ chức phòng hoặc ban BHLĐ.

- Cán bộ làm công tác BHLĐ cần được chọn từ những cán bộ có hiểu biết về kỹ thuật và thực tiễn sản xuất và phải được đào tạo chuyên môn và bố trí ổn định để đi sâu vào nghiệp vụ công tác BHLĐ.

- Ở các DN không thành lập phòng hoặc ban BHLĐ thì cán bộ làm công tác BHLĐ có thể sinh hoạt ở phòng kỹ thuật hoặc phòng tổ chức lao động nhưng phải được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NSDLĐ.

Ghi chú: Với các DNVVN, tư nhân: thực tế cho thấy rằng với quy mô SXKD, tổ chức của các DN nhỏ hiện nay, thì việc đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy làm công tác BHLĐ trong DN như trên là rất khó khăn. Vậy thì các DNVVN, nhất là DN nhỏ có dưới 50 lao động có thể giải quyết theo cách thức là:



- Cử cán bộ phụ trách công tác ATVSLĐ, cụ thể kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác trong đơn vị (không được cử cán bộ đang làm việc khác kiêm nhiệm công tác ATVSLĐ). Thường nên chọn cán bộ phụ trách kỹ thuật công nghệ trong DN làm công tác ATVSLĐ thì việc ngăn ngừa các nguy cơ, sự cố gây mất AT trong DN sẽ có tác dụng và hiệu quả hơn và cán bộ này phải chịu sự chỉ đạo trực tiếp của NSDLĐ.

- Trường hợp DN quá ít lao động thì NSDLĐ phải trực tiếp quản lý, tổ chức thực hiện công tác này và chịu trách nhiệm khi có các sự cố, TNLĐ, BNN xảy ra hoặc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật như: Khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo TNLĐ; lo mua sắm trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ, hướng dẫn họ sử dụng,...

Theo hướng dẫn của Tổ chức Lao động quốc tế ILO, việc định rõ ra các trách nhiệm và những mối quan hệ trong bộ máy sẽ có khả năng thúc đẩy việc thực hiện văn hóa AT trong DN từ chủ DN xuống từng NLĐ. NSDLĐ phải có trách nhiệm chính tổng thể trong việc đảm bảo AT và sức khỏe nghề nghiệp cho NLĐ.

b) Nhiệm vụ

- Phối hợp với bộ phận tổ chức lao động xây dựng nội quy, quy chế quản lý công tác BHLĐ của DN;
- Phổ biến các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, Quy chuẩn về AT- VSLĐ của Nhà nước và các nội quy, quy chế, chỉ thị về BHLĐ của lãnh đạo DN đến các cấp và NLĐ trong DN; đề xuất việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền về AT, VSLĐ và theo dõi đôn đốc việc chấp hành;
- Dự thảo kế hoạch BHLĐ hàng năm, phối hợp với bộ phận kế hoạch đôn đốc các phân xưởng, các bộ phận có liên quan thực hiện đúng các biện pháp đã đề ra trong kế hoạch BHLĐ;
- Phối hợp với bộ phận kỹ thuật, quản đốc các phân xưởng xây dựng quy trình, biện pháp AT, VSLĐ, phòng chống cháy nổ, quản lý theo dõi việc kiểm định, xin cấp giấy phép sử dụng các đối tượng có yêu cầu nghiêm ngặt về AT - VSLĐ;
- Phối hợp với bộ phận tổ chức lao động, bộ phận kỹ thuật, quản đốc các phân xưởng tổ chức huấn luyện về BHLĐ cho NLĐ;
- Phối hợp với bộ phận y tế tổ chức đo đạc các yếu tố có hại trong môi trường lao động, theo dõi tình hình bệnh tật, TNLĐ, đề xuất với NSDLĐ các biện pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe lao động;
- Kiểm tra việc chấp hành các chế độ thể lệ BHLĐ; tiêu chuẩn AT, VSLĐ trong phạm vi DN và đề xuất biện pháp khắc phục;
- Điều tra và thống kê các vụ TNLĐ xảy ra trong DN;
- Tổng hợp và đề xuất với NSDLĐ giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra;
- Dự thảo trình lãnh đạo DN ký các báo cáo về BHLĐ theo quy định hiện hành;
- Cán bộ BHLĐ phải thường xuyên đi sát các bộ phận sản xuất, nhất là những nơi làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm dễ xảy ra TNLĐ để kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các biện pháp ngăn ngừa TNLĐ, BNN.

3.2. Bộ phận y tế

Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 31-10-1998 quy định:

a) Tổ chức

- Tất cả các DN đều phải tổ chức bộ phận hoặc bố trí cán bộ làm công tác y tế DN bảo đảm thường trực theo ca sản xuất và sơ cứu, cấp cứu có hiệu quả;
- Số lượng và trình độ cán bộ y tế tùy thuộc vào số lao động và tính chất đặc điểm tổ chức SXKD của DN, nhưng phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu sau đây:

** Với DN có nhiều yếu tố độc hại:*

Số NLĐ	Cán bộ y tế
< 150	Một y tá
150 ÷ 300	Ít nhất một y sĩ (hoặc trình độ tương đương)
301 ÷ 500	Một bác sĩ và một y tá
501 ÷ 1.000	Một bác sĩ và mỗi ca làm việc phải có một y tá
> 1.000	Thành lập trạm y tế (hoặc ban, phòng) riêng

** Với DN có ít yếu tố độc hại:*

Số NLĐ	Cán bộ y tế
< 300	Một y tá
300 ÷ 500	Một y sĩ và một y tá
501 ÷ 1.000	Một bác sĩ và một y sĩ
> 1.000	Phải có trạm y tế (hoặc ban, phòng) riêng

Trong trường hợp thiếu cán bộ y tế có trình độ theo yêu cầu thì có thể hợp đồng với cơ quan y tế địa phương để đáp ứng việc chăm sóc sức khỏe tại chỗ.

b) Nhiệm vụ

- Tổ chức huấn luyện cho NLĐ về cách sơ cứu, cấp cứu, mua sắm, bảo quản trang thiết bị, thuốc men phục vụ sơ cứu, cấp cứu và tổ chức tốt việc thường trực theo ca sản xuất để cấp cứu kịp thời các trường hợp TNLĐ;



Hình: Bộ phận y tế sơ cứu người bị tai nạn tại hiện trường (trái) và đo thân nhiệt cho người lao động tại doanh nghiệp (phải)

- Theo dõi tình hình sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức khám BNN;
- Kiểm tra việc chấp hành điều lệ vệ sinh, phòng chống dịch bệnh và phối hợp với bộ phận BHLĐ tổ chức việc đo đạc, kiểm tra, giám sát các yếu tố có hại trong môi trường lao động, hướng dẫn các phân xưởng và NLĐ thực hiện các biện pháp vệ sinh lao động;
- Quản lý hồ sơ VSLĐ và môi trường lao động;
- Theo dõi và hướng dẫn việc tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật (cơ cấu định lượng hiện vật, cách thức tổ chức ăn uống) cho những người làm việc trong ĐKLĐ có hại đến sức khỏe;
- Tham gia điều tra các vụ TNLĐ xảy ra trong DN;
- Thực hiện các thủ tục để giám định thương tật cho NLĐ bị TNLĐ, BNN;
- Đăng ký với cơ quan y tế địa phương và quan hệ chặt chẽ để nhận sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ;
- Xây dựng các báo cáo về quản lý sức khỏe, BNN.

3.3. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên

Quy định của pháp luật Việt Nam (Thông tư Liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN (31/10/1998)) là DN phải tổ chức và có mạng lưới AT, vệ sinh viên.

Mạng lưới ATVSV là hình thức hoạt động về BHLĐ của NLĐ được thành lập theo thỏa thuận giữa NSDLĐ và Ban chấp hành Công đoàn, nội dung hoạt động phù hợp với luật pháp, bảo đảm quyền của NLĐ và lợi ích của NSDLĐ.

a) Tổ chức

- Tất cả các DN đều phải tổ chức mạng lưới ATVSV, ATVSV bao gồm những NLĐ trực tiếp có am hiểu về nghiệp vụ, có nhiệt tình và gương mẫu về BHLĐ được tổ bầu ra;



Hình: Pano hội thi ATVSV viên giỏi năm 2020 của LĐLĐ TPHCM

- Mỗi tổ sản xuất phải bố trí ít nhất một ATVSV; đối với các công việc làm phân tán theo nhóm thì nhất thiết mỗi nhóm phải có một ATVSV;
- Để đảm bảo tính khách quan trong hoạt động, ATVSV không được là tổ trưởng;
- NSDLĐ phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ sở ra quyết định công nhận ATVSV, thông báo công khai để mọi NLĐ biết;
- Tổ chức công đoàn quản lý hoạt động của mạng lưới ATVSV;
- ATVSV có chế độ sinh hoạt, được bồi dưỡng nghiệp vụ và được động viên về vật chất và tinh thần để hoạt động có hiệu quả.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn

- Đôn đốc và kiểm tra giám sát mọi người trong tổ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về AT và vệ sinh trong sản xuất, bảo quản các thiết bị AT và sử dụng trang thiết bị bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng sản xuất chấp hành các chế độ về BHLĐ; hướng dẫn biện pháp làm việc AT đối với công nhân mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc ở tổ;
- Tham gia góp ý với tổ trưởng sản xuất trong việc đề xuất kế hoạch BHLĐ, các biện pháp đảm bảo AT, VSLĐ và cải thiện điều kiện làm việc;
- Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ BHLĐ, biện pháp đảm bảo AT VSLĐ và khắc phục kịp thời những hiện tượng thiếu AT vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

Ghi chú: Tiêu chuẩn, phương pháp hoạt động, hoạt động, chế độ sinh hoạt của mạng lưới ATVSV ở cơ sở.

CÂU HỎI

1. Trình bày nội dung Thông tư liên tịch số 14/1998 ngày 31.10.1998 về Bộ phận y tế trong Doanh nghiệp?
2. Mạng lưới An toàn vệ sinh viện trong doanh nghiệp được qui định như thế nào?
3. Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động được qui định như thế nào?

Chương 3

TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Mục tiêu:

- *Nêu được các nguyên nhân gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong ngành xây dựng;*
- *Xác định được các biện pháp nhằm khắc phục tai nạn lao động*

Lao động tạo ra mọi của cải vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu về đời sống của con người. hông những thế, bản thân lao động còn là điều kiện cần thiết để làm cho con người khỏe mạnh. Tuy nhiên lao động phải trên cơ sở khoa học, ý nghĩa là trong quá trình lao động có thể phải thích ứng tốt nhất với môi trường cũng như điều kiện lao động.

1. Điều kiện lao động

1.1. Yếu tố tác hại nghề nghiệp

Phát hiện các yếu tố tác hại nghề nghiệp và đánh giá mức độ ảnh hưởng của nó đối với cơ thể người lao động là một nội dung công tác quan trọng của vệ sinh lao động. Khi điều tra nghiên cứu một nghề nghiệp, người làm công tác vệ sinh lao động phải trả lời được các câu hỏi:

- + Yếu tố tác hại đối với sức khỏe công nhân trong nghề nghiệp này là những yếu tố gì ?
- + Mức độ tác hại của chúng đến đâu ?
- + Phạm vi tác hại là cá biệt hay phổ biến nhiều người ?
- + hướng hướng và các biện pháp ngăn chặn và đề phòng tác hại ra sao ?

Công việc trên đòi hỏi phải được tiến hành một cách có hệ thống, tỷ mỉ, khoa học, chính xác.

Thông thường một nghề nghiệp có thể có nhiều tác hại nghề nghiệp khác nhau nhưng mỗi ngành nghề đều có một hoặc vài tác hại nghề nghiệp phổ biến nhất, đặc trưng nhất của nghề đó. Tính chất sản xuất càng lạc hậu, thủ công thì tác hại nghề nghiệp càng nhiều và càng trầm trọng.

1.2. Đối tượng của vệ sinh lao động

Vệ sinh lao động là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động, nghiên cứu các biện pháp nhằm cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp cho công nhân trong điều kiện sản xuất và tăng năng xuất lao động.

Để đạt được mục đích trên vệ sinh lao động có những nhiệm vụ cụ thể sau :

- + Nghiên cứu đặc điểm vệ sinh của quá trình sản xuất.
- + Nghiên cứu các biến đổi về sinh lý, sinh hóa của cơ thể trong những điều kiện lao động khác nhau.

- + Nghiên cứu về việc tổ chức lao động và nghỉ ngơi hợp lý.
- + Nghiên cứu các biện pháp đề phòng tình trạng mệt mỏi trong lao động, hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong sản xuất, đánh giá hiệu quả các biện pháp đó.
- + Quy định các tiêu chuẩn vệ sinh, chế độ vệ sinh xí nghiệp và cá nhân, chế độ BHLĐ.
- + Tổ chức kiểm tra tuyển và sắp xếp hợp lý công nhân vào làm việc ở các bộ phận khác nhau trong xí nghiệp.
- + Quản lý theo dõi tình hình sức khỏe công nhân, tổ chức khám định kỳ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.
- + Giám định khả năng lao động cho công nhân bị TNLĐ, mắc bệnh nghề nghiệp và các bệnh mãn tính khác.
- + Tiến hành kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các biện pháp vệ sinh và ATLĐ trong sản xuất.

1.3. Ý nghĩa.

Vệ sinh lao động đóng vai trò rất quan trọng vào việc bảo vệ người lao động và nâng cao khả năng làm việc của họ. Sự hiểu biết về vệ sinh lao động không những cần thiết đối với cán bộ y tế xí nghiệp mà còn cần thiết đối với mọi cán bộ, công nhân sản xuất.

2. Các yếu tố tác hại nghề nghiệp

2.1. Tác hại liên quan đến quá trình SX.

2.1.1. Yếu tố về vật lý và hóa lý :

- + Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như : nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc thấp, thoáng khí kém, cường độ bức xạ nhiệt quá mạnh.
- + Bức xạ điện từ, bức xạ cao tần và siêu cao tần trong khoảng sóng vô tuyến, tia hồng ngoại, tia tử ngoại ...
- + Các chất phóng xạ và tia phóng xạ như α , β , γ ...
- + Tiếng ồn và chấn động.
- + Áp suất cao hoặc áp suất thấp.
- + Bụi trong sản xuất.
- + Các chất độc trong sản xuất.

2.1.2. Yếu tố sinh vật:

- + Vi khuẩn và siêu vi khuẩn gây bệnh.
- + Ký sinh trùng và nấm mốc gây bệnh.

2.1.3. Tác hại liên quan đến tổ chức LĐ

- + Thời gian làm việc liên tục quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ ngơi, làm thông ca.

